

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoành
Ông Trần Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Y, sinh ngày 22/10/2002 (Có mặt)

Căn cước công dân số:, ngày cấp 02/05/2022.

Địa chỉ: khu vực T, phường N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn K, sinh ngày 04/02/1999 (Có mặt)

Căn cước công dân số:, ngày cấp 04/04/2021.

Địa chỉ: khu vực A, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 14/10/2025, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn K được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào khoảng đầu năm 2022 và đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2022 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Cần Thơ). Sau khi cưới thì vợ chồng chị sống cùng với gia đình chồng ở khu vực A, phường N, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng chị sống rất vui vẻ, hạnh phúc; thời gian về sau chị và anh K phát sinh mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sống chung với nhau mà không có tiếng nói chung, anh K ít nói chuyện

với chị, có khi nói chuyện với anh K thì anh K không trả lời, bàn bạc gì cũng không muốn nói tới. Chị và anh K đã ly thân từ ngày 05/10/2025 đến nay. Nay chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn K.

Về con chung: Giữa chị và anh Nguyễn K có 01 con chung là cháu Nguyễn N, sinh ngày 26/10/2022. Hiện nay cháu N đang được chị nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi con chung, không đồng ý giao con chung cho anh K nuôi dưỡng. Chị đang đi làm tại xưởng may ở khu vực T, lương 1 tháng 5.000.000 đồng, đủ điều kiện để tự nuôi con vì từ lúc ly thân đến nay thì chị cũng tự mình nuôi con, anh K không có đưa tiền cho chị nuôi con. Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Cháu N từ nhỏ đến khoảng hai tuổi đều do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đến khi chị đi làm để kiếm tiền thì mới gửi cho bà nội giữ cháu. Nay chị đã gửi cháu N đến nhà trẻ ở gần nhà cha ruột của chị, chị đi làm rồi gửi cháu đi trường, đến chiều về thì chị rước cháu về nhà. Chị vẫn tạo điều kiện cho cha nó thăm nom, chăm sóc con, không có sự ngăn cản.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị và anh K không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Tại phiên hòa giải, tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn K trình bày:
Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phan Y về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong cuộc sống hàng ngày thì vợ chồng anh cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhỏ, theo anh thì cũng không có mâu thuẫn gì lớn, bình thường ở nhà thì vợ anh đi làm từ hơn 6 giờ sáng đến tối về là 8-9 giờ tối nên ít nói chuyện với nhau, anh cũng còn thương vợ con, con còn quá nhỏ nên anh cũng muốn được hàn gắn lại với vợ anh nhưng vợ anh nhất định ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Y. Về con chung: Cháu Nguyễn N, sinh ngày 26/10/2022 từ sau khi sanh đến trước khi ly thân thì đều sống tại nhà anh, hai năm đầu vợ anh ở nhà không có công việc làm nên chăm sóc cháu N, còn đến khi Y đi làm xưởng may ở chợ T thì gửi cháu lại đều do một tay mẹ anh là bà nội cháu N chăm sóc nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con, anh đủ điều kiện để nuôi con, hiện nay anh đi bán hàng cho nhà phân phối H, địa chỉ ấp B, xã L, thành phố C, 01 ngày 300.000 đồng, thu nhập 1 tháng cũng 9.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi con tốt hơn mẹ nó, nên giao con chung cho Y nuôi dưỡng là anh không đồng ý vì điều kiện của Y không còn mẹ, chỉ còn cha, với sống chung nhà với vợ chồng anh 3 của Y có tới ba đứa cháu, nên con anh nữa là bốn đứa. Không ai chăm sóc, điều kiện khó khăn, gia đình anh thoáng mát hơn gia đình chị Y; từ lúc ly thân đến nay anh cũng thường xuyên qua thăm nom, chăm sóc con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Y không có tài sản chung, không có nợ chung nên Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ và chồng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phan Y khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn K cư trú tại khu vực A, phường N, thành phố Cần Thơ. Nên Tòa án xác định loại kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Y và anh Nguyễn K là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 03/11/2022 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố cần Thơ) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị Y và anh K, theo chị Y cho rằng hai vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm đã không còn, không thể nói chuyện được với nhau một cách bình thường nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn K. Anh K cho rằng vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, có lúc đúng là cũng không nói chuyện với nhau một cách bình thường, do chị Y nhất định yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Y. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh K và chị Y đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, anh chị đã ly thân với nhau đến nay không thể hàn gắn, tại phiên tòa anh chị đã thuận tình ly hôn, hôn nhân giữa anh K và chị Y là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Phan Y và anh Nguyễn K.

[3] Về con chung: Chị Phan Y và anh Nguyễn K có một con chung là cháu Nguyễn N, sinh ngày 26/10/2022. Theo anh K và chị Y đều có yêu cầu nuôi cháu N, đây là yêu cầu chính đáng của cha mẹ sau khi ly hôn. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; **nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con**”*. Giữa anh K và chị Y không thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định về việc giao con cho ai nuôi dưỡng. Do chị Y và anh K không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên nhận thấy anh chị vẫn đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về điều kiện kinh tế. Đối với cháu N hiện nay đã 38 tháng 13 ngày tuổi, mặc dù cháu đã hơn 36 tháng tuổi, không thuộc trường hợp được ưu tiên cho người mẹ nuôi dưỡng, nhưng cháu mới vừa hơn 36 tháng tuổi được vài tháng, cháu là con

gái, đang được mẹ ruột trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N còn rất nhỏ, cần được sự chăm sóc từ người mẹ, không nên xáo trộn môi trường sống của cháu, cần ổn định tâm lý cho cháu N được phát triển tốt hơn. Nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn N cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh K. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho anh K.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu nhưng tại phiên tòa anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng 2.000.000 đồng nếu như giao con cho chị Y nuôi dưỡng, đây là sự tự nguyện cấp dưỡng, thể hiện tình thương của cha đối với cháu N nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Cần buộc anh Nguyễn K cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn N, sinh ngày 26/10/2022 đến đủ 18 tuổi, mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng là ngày 08/01/2026.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do tại phiên hòa giải lập ngày 26/11/2025 chị Y và anh K đã thống nhất thuận tình ly hôn nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình buộc chị Y và anh K mỗi người phải chịu án phí là 25% án phí không có giá ngạch. Chị Phan Y và anh Nguyễn K mỗi người phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 75.000 đồng. Anh K phải chịu án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phan Y phải chịu án phí là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị Y được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0008937 ngày 07/11/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Chị Phan Y được nhận lại số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn K phải chịu án phí tổng cộng là 375.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Y và anh Nguyễn K thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung:

Giao cháu Nguyễn N, sinh ngày 26/10/2022 cho chị Phan Y tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Nguyễn K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn K cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn N, sinh ngày 26/10/2022 đến đủ 18 tuổi, mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng là ngày 08/01/2026.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm:

+ Chị Phan Y phải chịu án phí là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị Phan Y được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008937 ngày 07/11/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Chị Phan Y được nhận lại số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn K phải chịu án phí là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND phường N, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng

